

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ VĂN HOÁ CHIẾN LƯỢC CỦA SỰ HÌNH THÀNH CỘNG ĐỒNG AN NINH ASEAN (ASC)

TRẦN KHÁNH*
NGUYỄN VĂN LAN**

Sau khoảng Bốn thập niên xây dựng và phát triển, ASEAN đi đến chuyển hướng chiến lược, xây dựng Hiệp hội trở thành một Cộng đồng ASEAN (AC), trong đó có Cộng đồng An ninh (ASC) vào năm 2015. Quá trình chuyển đổi này đang có nhiều thuận lợi, nhưng gặp không ít khó khăn, thách thức. Vậy AC nói chung, ASC nói riêng được hình thành dựa trên cơ sở nào, có những yếu tố gì tác động, có tính khả thi không.v.v... luôn là những câu hỏi lớn. Trong khuôn khổ bài viết này, chỉ đề cập một cách khái quát khái quát cơ sở lý luận và tác động của yếu tố “văn hoá chiến lược” mang tính truyền thống đối với sự hình thành ASC.

I. CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA SỰ HÌNH THÀNH ASC

1. Các luận thuyết hay logic cơ bản về hợp tác an ninh

a) *Thuyết hiện thực hay logic về chính trị quyền lực*

Trên thế giới tồn tại khá nhiều trường phái lý thuyết và quan điểm khác nhau về quan hệ quốc tế, trong đó có hợp tác an ninh. Trong số các luận thuyết đó có *Thuyết hiện thực* (hay có khi gọi là *logic về chính trị quyền lực*). Thuyết này về cơ bản hoài nghi về sự hợp tác để cùng tồn tại và phát triển trong hoà bình.. Họ cho rằng không có kẻ thù hay đồng minh nào là vĩnh viễn, và chỉ có lợi ích là vĩnh viễn. Hợp tác chỉ là phương tiện phân bổ quyền lực để đạt được lợi ích và quyền lực đã đặt ra. Theo logic này, các nước chỉ trở nên gần gũi, thúc đẩy hợp tác với nhau là do có mối đe dọa từ các nước lớn hay áp lực của thế lực bá quyền. Khi quyền lực của một nước tăng lên sẽ buộc các nhà nước khác hợp tác lại với nhau thành một liên minh, thậm chí cả với những nước trước đây là

* PGS.TSKH Trần Khánh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

** TS Nguyễn Văn Lan, Học viện Chính trị khu vực III

kẻ thù. Sự tồn tại của một thế lực bá quyền, với những ưu thế vượt trội về kinh tế, quân sự và chính trị, có thể buộc các nước khác tăng cường hợp tác với nhau để kìm chế hay chống lại tác động tiêu cực từ chính trị cường quyền. Các biện pháp để giải quyết xung đột và đảm bảo an ninh quốc gia thường nghiêng về răn đe quân sự, lập các liên minh và coi quốc gia là trung tâm để củng cố quyền lực và đảm bảo an ninh chung⁽¹⁾.

Xét từ thực tiễn lịch sử của ASEAN thì logic của chủ nghĩa hiện thực đã ảnh hưởng không nhỏ và đóng vai trò quan trọng trong trọng trọng sự hình thành và phát triển của tổ chức này. Dưới thời chiến tranh lạnh, các nước ASEAN 5 (gồm Thái Lan, Malaixia, Indônêxia, Philippin và Xingapo) cho rằng sự đối đầu ý thức hệ chính trị-tư tưởng và quân sự giữa hai siêu cường Xô-Mỹ và cạnh tranh chiến lược Xô-Trung giành quyền lãnh đạo phong trào cộng sản và giải phóng dân tộc có thể đe dọa đến nền độc lập non trẻ của họ. Chính những thách thức trên là một trong những nguyên nhân chính đưa đến sự ra đời và tăng cường hợp tác chính trị, an ninh của ASEAN. Tuyên bố ZOPFAN năm 1971 về Khu vực Đông Nam Á hoà bình và trung lập là một chứng minh rõ ràng nhất cho sự ảnh hưởng to lớn của thuyết hiện thực hay logic quyền lực chính trị đối với sự ra đời, tồn tại và phát triển của ASEAN, nhất là ở giai đoạn đầu.

b) Thuyết thể chế hay logic của chủ nghĩa chức năng

Ngược lại với chủ nghĩa hiện thực,

thuyết thể chế hay logic của chủ nghĩa chức năng về cơ bản có quan điểm lạc quan về hợp tác giữa các nhà nước và cho rằng, ngoài những lợi ích cạnh tranh lẫn nhau, các nhà nước cũng có động cơ mạnh mẽ để liên kết với nhau thay cho đối đầu hay chiến tranh. Theo logic này thì thông qua hợp tác bằng các khuôn khổ thể chế về lâu dài sẽ giúp đạt hoà bình và ổn định hoá quan hệ giữa các nước và khu vực. Điển hình cho luận thuyết này là *chủ nghĩa trọng thương*, theo đó trao đổi thương mại và đầu tư càng cao giữa các nước sẽ đem lại sự phụ thuộc lẫn nhau càng lớn và do đó khả năng dùng vũ lực để giải quyết xung đột càng nhỏ.

Một biến thể khác của chủ nghĩa thể chế tự do là *thuyết về hoà bình, dân chủ*. Lý thuyết này cho rằng, từng quốc gia và khu vực có thể đạt được hoà bình và dân chủ bởi các nhà nước dân chủ và pháp quyền. Các nhà nước dân chủ sẽ hạn chế tối đa sử dụng vũ lực, bởi thể chế này người dân có tiếng nói lớn trong quyết định liên quan đến chiến tranh và hoà bình. Nói chung, các nhà nước dân chủ coi các nhà nước dân chủ khác là đồng minh, cùng chí hướng hơn là kẻ thù⁽²⁾.

Đối chiếu với thực tiễn, thì thuyết thể chế trên có ảnh hưởng lớn đến sự gia tăng hợp tác kinh tế và liên kết ASEAN, nhất là từ đầu thập niên 90 khi chiến tranh lạnh kết thúc. Động cơ hợp tác an ninh liên quan đến ý thức hệ chính trị-tư tưởng từ thời điểm này đã suy giảm do sự hoà dịu của đối đầu Đông - Tây. Với bối cảnh mới, nhất là sự gia tăng của toàn cầu hoá,

ASEAN bắt đầu định hướng lại chủ nghĩa khu vực bằng thúc đẩy hợp tác kinh tế. Bằng chứng của nỗ lực mới này là quyết định thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) (đưa ra vào năm 1991), sự mở rộng ASEAN 6 thành ASEAN 10, và gần đây nhất là cam kết xây dựng Cộng đồng ASEAN (AC) vào năm 2015. Sự cam kết hình thành AC và thông qua Hiến chương ASEAN là một bước phát triển mới của chủ nghĩa khu vực, phản ánh sự thay đổi về nhận thức và hành động, hướng tới một ASEAN có thể chế hợp tác chặt chẽ hơn dựa trên cơ sở pháp lý chung.

c) Thuyết kiến tạo hay logic cộng đồng

Khác với hai luận thuyết trên, *chủ nghĩa kiến tạo* đề cao vai trò của quy tắc xã hội và ứng xử văn hoá trong việc giải quyết xung đột. Logic này cho rằng, mọi xung đột giữa các quốc gia đều có thể được giải quyết thông qua các biện pháp hoà bình, trong đó tác động của các cơ chế đối thoại đa phương, xây dựng và chia sẻ một bản sắc văn hoá chung. Theo quan điểm này, những lợi ích và tương đồng về bản sắc giữa các quốc gia không tự có sẵn, mà phải xây dựng, tạo nên một tri thức đồng thuận. Tri thức đồng thuận này khiến các nhà nước xác định lại các mục tiêu của họ theo cách thức mang tính hợp tác. Các thể chế và văn hoá khu vực tạo thành những quy tắc và luật lệ, cung cấp cơ sở pháp lý cho hành động của các quốc gia. Các quy tắc và luật lệ ngày càng được thể chế hoá dẫn tới việc các nhà nước gắn bản sắc của họ với các quy tắc và luật lệ đó và tìm cách

thể hiện là một thành viên tốt trong cộng đồng quốc tế⁽³⁾.

Cùng với chủ nghĩa thể chế, thuyết kiến tạo có ảnh hưởng sâu sắc và đóng vai trò to lớn đối với nỗ lực hình thành AC, nhất là ASC. Trong thực tế ASEAN đã không ngừng hướng tới xây dựng và phát triển một bản sắc chung nhằm ngăn ngừa xung đột và kiến tạo hoà bình cho khu vực. Sự đồng thuận, cách tiếp cận tiệm tiến, tôn trọng lẫn nhau trong xây dựng các thể chế và quy tắc chung là nét nổi bật hợp tác của ASEAN. Từ sự hợp tác này, bản sắc chung của cộng đồng ASEAN được nuôi dưỡng và phát triển. Bản sắc cộng đồng càng phát triển thì mức độ tin tưởng càng cao, và như vậy an ninh quốc gia và khu vực trở nên vững hơn.

1.2. Khái niệm và những điều kiện cấu thành Cộng đồng An ninh

a) Định nghĩa về Cộng đồng An ninh

Dựa trên logic cộng đồng, Karl Deutsch và các đồng sự của ông đã đưa ra khái niệm Cộng đồng an ninh trong một công trình nghiên cứu về “Cộng đồng chính trị và khu vực Bắc Đại Tây Dương”, xuất bản năm 1957. Theo họ *Cộng đồng an ninh là một nhóm các nước “đã hội nhập” với nhau bằng các thể chế chính thức hay phi chính thức, đủ mạnh, có sức lan toả để đảm bảo sự thay đổi một cách hoà bình và phát triển bền vững giữa các nước thành viên*. Cũng theo họ, Cộng đồng an ninh được chia thành hai dạng cơ bản khác nhau là: *Cộng đồng an ninh hợp nhất* (amalgamated) và *Cộng đồng an*

ninh đa nguyên (pluralistic). *Cộng đồng an ninh hợp nhất* là loại cộng đồng được thiết lập trên cơ sở hợp nhất chính thức giữa hai hay nhiều thực thể tồn tại một cách độc lập trước đó thành một cộng đồng lớn hơn dưới hình thức nhà nước Liên bang (giống như Hợp chủng quốc Hoa Kỳ); Còn *Cộng đồng an ninh đa nguyên hay liên kết* được thiết lập trên cơ sở liên kết giữa các quốc gia có chủ quyền, trong đó các thành viên vẫn “duy trì sự độc lập về luật pháp của các chính phủ riêng lẻ” giống như mối liên hệ của Mỹ với Canada, của EU v.v.⁽⁴⁾

Các học trò của Karl Deutsch, trong đó có Amitav Acharya- một học giả nổi tiếng nghiên cứu về chính trị, an ninh người Ấn Độ đã phát triển khái niệm trên và cho rằng trong Cộng đồng an ninh đa nguyên, động cơ hợp tác không phải là lợi ích về mặt quyền lực chính trị hay kinh tế, mà chính là bản sắc được chia sẻ, là “cảm nhận về chúng tôi- we feeling). Họ cho rằng, một *Cộng đồng an ninh đa nguyên* là “một khu vực bao gồm các nước có chủ quyền mà người dân của những nước đó duy trì những kỳ vọng có căn cứ về một sự thay đổi hoà bình”. Một cộng đồng như vậy không chỉ không xảy ra chiến tranh giữa các nước thành viên, mà còn không có sự chuẩn bị nào cho chiến tranh⁽⁵⁾ đã tạo dựng được ý thức cộng đồng hay một bản sắc tập thể, nghĩa là họ giải quyết bất đồng mà không dùng vũ lực. Cách tiếp cận trên đang được các nhà hoạch định chính sách cũng như giới học thuật ASEAN xem xét, trở thành một trong những nền tảng lý thuyết cơ bản cho việc

xây dựng Cộng đồng an ninh ASEAN.

b) Điều kiện cấu thành của Cộng đồng an ninh

Các nhà lý luận về Cộng đồng an ninh đã khái quát một số điều kiện hay yêu cầu cần thiết để thiết lập Cộng đồng an ninh đa nguyên kiểu liên kết giống như trường hợp của ASEAN, cụ thể như sau:

Thứ nhất và cũng là quan trọng nhất là các quốc gia tham gia liên kết hoàn toàn không có các xung đột quân sự và không chạy đua vũ trang mang tính cạnh tranh giữa các nước thành viên trong cộng đồng. Điều này không nghĩa là giữa các quốc gia không có tranh chấp hay khác biệt, nhưng các nước tham gia giải quyết mâu thuẫn bằng con đường hoà bình, loại bỏ việc sử dụng vũ lực để giải quyết vấn đề.

Thứ hai, các nước tham gia cần tạo được sự tương đồng cần thiết và chấp nhận các quan niệm về giá trị cũng như các nguyên tắc, chuẩn mực ứng xử chung mang tính ổn định và có thể dự đoán được đối với hành vi của nhau trong các mối quan hệ kinh tế, chính trị và xã hội.

Thứ ba, là tạo ra các thiết chế hay phương thức/tập quán chính thức hay phi chính thức nhằm giảm thiểu, ngăn ngừa, quản lý và giải quyết xung đột, cùng ứng phó và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quan hệ giữa các nước thành viên thông qua hợp tác, phối hợp và giao tiếp với nhau. Điều này theo ông Amitav Acharya thì hiện nay hầu như chưa có nhóm nước, khu vực nào đáp ứng được yêu cầu này một cách mỹ mãn.

Thứ tư, yêu cầu cuối cùng là một Cộng

đồng an ninh “cần liên kết cao về chính trị và kinh tế, coi đó là điều kiện tiên quyết cho quan hệ hoà bình”. Nói một cách khác, là các nước tham gia cần tạo dựng được mức độ liên kết, hội nhập về kinh tế và chính trị một cách sâu rộng, dựa trên nhận thức về sự phụ thuộc lẫn nhau. Điều này sẽ làm tăng chi phí (rủi ro) và giảm lợi ích của việc sử dụng vũ lực để giải quyết xung đột, và như vậy các nước sẽ tìm đến các biện pháp hợp tác hoà bình. Hiện nay yêu cầu này mới chỉ có EU là đã thực hiện tốt hơn cả.

Đối chiếu với kinh nghiệm của ASEAN, nền tảng lý luận trên có nhiều điểm tương đồng, nhưng không ít các điểm khác biệt. ASEAN ngay từ lúc ra đời, tuy không tuyên bố một cách công khai, nhưng hợp tác an ninh đã trở thành một trong những mục tiêu hàng đầu của tổ chức này. Hơn nữa, hơn 40 năm tồn tại và phát triển, giữa các nước ASEAN không xảy ra các cuộc chiến tranh. Hiệp hội đã sử dụng những ngôn từ mềm dẻo mang tính xã hội và cộng đồng, phản ánh truyền thống ứng xử văn hoá của các nước Đông Nam Á. Ngoài ra, các nước ASEAN đã có các thoả thuận khá rộng rãi về thông tin-viễn thông, trao đổi tin tình báo và hợp tác trong lĩnh vực an ninh quốc phòng (tuy chưa có sự đồng đều giữa các nước thành viên). Tuy nhiên ASEAN hiện tại chưa đáp ứng được nhiều yêu cầu quan trọng mà các học giả trên đã đề ra. Đó là sự khác nhau khá lớn về nhận thức các mối đe dọa; hợp tác kinh tế nội khối chưa mạnh; các tranh chấp về chủ quyền giữa các nước thành viên và chi tiêu quân sự còn khá cao

v.v. Tuy nhiên, Amitav Acharya cho rằng “nét khác biệt của một Cộng đồng an ninh là khả năng xử lý xung đột trong khu vực một cách hoà bình chứ không là việc không có xung đột”, và “ASEAN dù chưa đáp ứng được một số yêu cầu của một Cộng đồng an ninh như cơ sở lý thuyết đã đưa ra, nhưng có thể coi đó là bước khởi đầu của một Cộng đồng an ninh”⁽⁶⁾.

II. NỀN TẢNG VĂN HOÁ CHIẾN LƯỢC CỦA ĐÔNG NAM Á VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA CHÚNG ĐỐI VỚI HỢP TÁC AN NINH VÀ HÌNH THÀNH ASC

Khi bàn về hợp tác chính trị, an ninh giữa các quốc gia, người ta thường phải xem xét sự tác động của yếu tố văn hoá truyền thống, trong đó có “*văn hoá chiến lược*” và “*văn hoá an ninh*”⁽⁷⁾. Những yếu tố hợp thành văn hoá chiến lược cũng như an ninh là hết sức phức tạp và đa dạng; Chúng bị chi phối bởi truyền thống văn hoá và văn minh, tình hình phát triển kinh tế xã hội, bối cảnh địa- chính trị, địa-văn hoá v.v. ở khu vực Đông Nam Á, văn hoá chiến lược và an ninh cũng khá đa dạng.

Trước hết là *Indônêxia*: đất nước của hàng ngàn hòn đảo với sự phức tạp về sắc tộc và tôn giáo, luôn bị ám ảnh bởi sự thống nhất lãnh thổ. Từ khái niệm “*Nusantara*” (Tổ quốc hay Đất nước đa đảo), người Indônêxia coi biển là đường bao quanh các đảo, chứ không phải là biên giới lãnh thổ hay là một thực thể chính trị, kinh tế-xã hội và văn hoá cũng như đơn vị phòng thủ riêng. Tiếp đến khái

niệm *Ketahanan National* hay “*Tự cường dân tộc*”. Học thuyết này có tầm quan trọng đến mức được ghi trong Bộ luật Nhà nước rằng: “ý chí, lòng quyết tâm, tính kiên định mạnh mẽ kết hợp với khả năng tạo dựng sức mạnh dân tộc để đối mặt và vượt qua mọi đe dọa bên trong lẫn bên ngoài, trực tiếp hay gián tiếp gây nguy hiểm cho bản sắc dân tộc Indônêxia hay phong cách sống của dân tộc và nhân dân”⁽⁸⁾. Với các quan niệm, cách tiếp cận văn hoá chiến lược trên làm cho Indônêxia nhìn nhận, quản lý và giải quyết vấn đề một cách đa chiều và toàn diện, bao trùm tất cả các khía cạnh của đời sống. Chính quan điểm này ảnh hưởng một cách sâu sắc đến cách tiếp cận về an ninh và xây dựng ASC, trong đó đề cao bản sắc cộng đồng mà Indônêxia là tác giả chính.

Malaixia là một quốc gia bị chia cắt hai miền Đông Tây bằng khoảng cách biển rộng lớn, lại hết sức đa dạng và phức tạp về sắc tộc và tôn giáo, nên trong văn hoá chiến lược phòng thủ và an ninh quốc gia của nước này luôn chứa đựng cả yếu tố biển và lục địa, và nhấn mạnh đến *chiến lược an ninh toàn diện*. Điều này được phản ánh khá rõ nét trong các bài phát biểu của cựu thủ tướng Maharthia Mohamet rằng: “*nền an ninh quốc gia không thể tách rời sự ổn định về chính trị, thành công về kinh tế và hoà hợp về xã hội*. Không có những yếu tố này thì tất cả các loại súng trên thế giới đều không thể ngăn chặn hay đánh bại được kẻ thù của mình”. Để đạt được điều trên cần tạo ra 3 trụ cột: *Thứ nhất*, đảm bảo an ninh cho Đông Nam Á; *Thứ hai*, bảo đảm cho “một

cộng đồng ASEAN vững mạnh và hoạt động có hiệu quả” và *Thứ ba* là cần phải xây dựng một đất nước “*Malaixia an ninh vững mạnh*”. Hơn nữa, Malaixia còn đi xa hơn trong chính sách an ninh hướng ngoại, và cho rằng “*Malaixia cần phải đảm bảo tự cường khu vực một cách toàn diện thông qua “cộng đồng các quốc gia ASEAN”, trong đó các quốc gia ASEAN cần “cam kết giữ gìn lãnh thổ của nhau và có các biện pháp để xây dựng lòng tin và thiện chí giữa các nước thành viên*”⁽⁹⁾.

Tiếp đến là trường hợp của *Xingapo* - một quốc gia thành phố hải đảo diện tích nhỏ hẹp, đất chật, người đông. Bởi ảnh hưởng “*hội chứng nước nhỏ*” và lại nằm ở vị trí địa-chiến lược nên nước này lựa chọn chiến lược *phòng thủ tổng hợp, tối đa và an ninh tổng lực* cùng với việc xây dựng lòng tin với các nước láng giềng và *cân bằng ảnh hưởng từ bên ngoài* thông qua tiến trình cam kết với các bạn bè và đồng minh. Phòng vệ tổng lực hay tổng hợp bao gồm mọi khía cạnh của đời sống, từ “*phòng vệ tâm lý*” cho đến “*phòng vệ xã hội*” và “*phòng vệ kinh tế*”, nhằm đảm bảo “*mọi lĩnh vực trong xã hội đều được huy động và đều có vai trò trong nền an ninh của Xingapo*”⁽¹⁰⁾. Cũng giống như hai nước trên, văn hoá an ninh thiên về phòng thủ tổng thể và cân bằng chiến lược của Xingapo về cơ bản không mâu thuẫn với chiến lược an ninh toàn diện và mục tiêu đặt ra của việc xây dựng Cộng đồng an ninh ASEAN.

Ở các nước Đông Nam Á lục địa, tính chất đất liền cùng với kinh nghiệm lịch sử

và chủ nghĩa dân tộc ảnh hưởng sâu sắc đến văn hoá chiến lược và an ninh, trước hết là của Việt Nam và Thái Lan. Nếu như dấu ấn lịch sử của hàng ngàn năm Bắc thuộc nhắc nhở Việt Nam củng cố an ninh trên đất liền và một ít ở dọc bờ biển, thì ngày nay sự tranh chấp chủ quyền biển Đông gia tăng làm cho Việt Nam trở nên quan tâm nhiều hơn an ninh trên biển. Hơn nữa, nguy cơ đe dọa về an ninh không chỉ là đe dọa bằng vũ lực từ bên ngoài, làm tổn hại đến độc lập, chủ quyền, mà ngày càng gắn liền với các vấn đề khác như an ninh kinh tế, môi trường và xã hội. Vì vậy, Việt Nam hiện nay đã chấp nhận và theo đuổi cách tiếp cận an ninh toàn diện, trong đó an ninh phi truyền thống đã được đề cao, coi đó như là một trong những cách tốt nhất để duy trì ổn định và phát triển bền vững.

Còn Thái Lan, nước có nhiều nét tương đồng địa-chiến lược so với Việt Nam và có nhiều điểm văn hoá an ninh giống Việt Nam như đề cao vai trò của quân đội, trong đó coi trọng bộ binh và phòng thủ trên đất liền. Trong khi Việt Nam có tính nguyên tắc và ít thực dụng hơn trong chính sách đối ngoại, đặc biệt trong quan hệ bạn, thù thì Thái Lan tỏ ra uyển chuyển, linh hoạt hơn. Không phải ngẫu nhiên người ta thường ví chính sách đối ngoại của Thái Lan là “ngoại giao ngọn cây”, gió chiều nào theo chiều ấy. Hơn nữa, quan niệm an ninh toàn diện của Thái Lan thiên về về an ninh con người, trong đó nhấn mạnh đến các vấn đề an ninh phi truyền thống như an ninh kinh tế, môi trường và xã hội⁽¹¹⁾. Xuất phát từ

văn hoá chính trị và ngoại giao này, có thể tạm thời đưa ra nhận xét rằng, Thái Lan là nước không cản trở sự hình thành cộng đồng ASEAN, nhưng sẽ không phải là nước tiên phong đi đầu trong quá trình này, nhất là trong hợp tác quốc phòng.

Ở Campuchia cũng có quan điểm tương đối giống Thái Lan. Trong sách trắng về quốc phòng được công bố ngày 20/2/2002, chính phủ Campuchia nhận định rằng, những mối đe dọa quân sự đối với Campuchia là rất thấp. Các vấn đề môi trường, lây nhiễm HIV/AIDS, nạn cướp phá các ngôi chùa là những quan ngại hàng đầu về an ninh⁽¹²⁾.

Nói tóm lại, Tuy mỗi nước trong ASEAN có cách tiếp cận khác nhau về an ninh, nhưng hầu như tất cả đều thống nhất và nhấn mạnh tầm quan trọng số một của an ninh toàn diện, trong đó nền an ninh quốc gia không chỉ phụ thuộc vào lực lượng quân sự hùng hậu, mà còn bị tác động bởi sự phối hợp với những biện pháp phi quân sự như chính trị, kinh tế, ngoại giao v.v. Quan niệm trên có được bởi tác động không nhỏ của triết lý văn hoá truyền thống, trong đó có văn hoá chiến lược của các nước Đông Nam Á. Sự nhiệt tình tiếp nhận và phát triển khái niệm an ninh toàn diện, trong đó đề cao vai trò ý thức cộng đồng và các giải pháp phi bạo lực trong giải quyết xung đột, kiến tạo hoà bình được thể hiện rõ nét trong các Tuyên bố chính thức của ASEAN trước đây, nhất là trong Hiến chương ASEAN mới được thông qua vào tháng 11/2007 vừa qua. Cùng với cơ sở lý thuyết và thực tiễn của

hơn 40 năm tồn tại và phát triển, triết lý văn hoá truyền thống về an ninh đã và đang tạo nền khá vững chắc cho việc hiện thực hoá Cộng đồng an ninh ASEAN theo mô hình *Cộng đồng an ninh đa nguyên hay liên kết* mà ASEAN đang theo đuổi./

CHÚ THÍCH

1. Xem: Waltz, Kenneth. *Theory of International Politics*, Reading, Mass.: Addison-Wesley, 1979; Paulr. Viotti-Mark v. Kauppi. *Lý luận Quan hệ Quốc tế*. Hà Nội: Nxb, Lao động, 2003, Chương 2, tr. 55-127
2. Xem thêm: Muhadi Sugiono. *Logics for Peace: ASEAN and the Region of Peace in Southeast Asia* (Bài viết cho Hội thảo “ASEAN: Bốn mươi năm nhìn lại và hướng tới”, Đại học Quốc gia Hà Nội ngày 19/07/2007; Mary Parrel, Peter Pogany. *Globalization and Regional Economic Integration: Problems and Prospects*. Hanoi, Institute for International Relation, 2000.
3. Xem thêm: Muhadi Sugiono. *Logics for Peace*, (tài liệu đã dẫn); Nicholas Brusse. *Constructivism and Southeast Asia Security*/Pacific Review, Vol. 12, No. 1, 1999.
4. David Capie, Paul Evans. *Thuật ngữ An ninh Châu Á-Thái Bình Dương* (bản dịch). Hà Nội: Học viện QHQT, 2003, tr. 356. Karl W. Deutsch et al. *Political Community anh the North Atlantic Area: International Organization in the Light of Historical Experience*. Princeton, New Jersey: Princeton University Press, 1957 pp. 5-6; *Security Communities/International Politics and Foreign Policy* (ed. by Jammers Rosenau). New York: Free Press, 1961, pp .97-98.
5. Amitav Acharya. *Constructing a Security Community in Southeast Asia.- ASEAN and the Problem of Regional Order*.-London and New York: Routledge, 2001, pp. 16-21)
6. Xem thêm: Amitav Acharya, sách đã dẫn, 20-21; David Capie, Paul Evans. *Thuật ngữ An ninh Châu Á-Thái Bình Dương* (Sách đã dẫn), tr. 358-363.
7. Khái niệm “*văn hoá chiến lược*” là chỉ mối quan hệ giữa văn hoá và chiến lược trong hành động an ninh-quốc phòng, chỉ thể giới quan, hành vi, thói quen của giới chính trị-quân sự trong việc lựa chọn chiến lược phát triển và an ninh quốc gia ở cấp cao nhất; Còn “*văn hoá an ninh*” hàm chứa nội dung rộng lớn hơn, không chỉ hành vi, thói quen suy nghĩ, hành động và lòng tin của giới quân sự, chính trị cầm quyền, mà còn phản ánh văn hoá tổ chức quân sự, những phương pháp để đạt các mục tiêu đã đề ra. Xem thêm: Michael J. Mazarr. *Culture and International Relations: A Review Essay*// Washington Quarterly 19, No. 2 (Spring 1996); Chin Kin Wah. *Reflections on the Shaping on Strategic Culture in Southeast Asia/Southeast Asian Perspectives on Security* (ed. by Derek da Cunha). Singapore: ISEAS, 2000, pp. 4-5.; Jurgen Haacke. *ASEAN'S Diplomatic and Security Culture: Origins, development and prospects*. London and New York: Routledge Curzon, Taylor & Frrancis Group, 2003, pp. 2-3.
8. David Capie, Paul Evans. *Thuật ngữ An ninh Châu Á - Thái Bình Dương* (Sách đã dẫn), tr. 124-125.
9. *ISIS Focus*, No. 17, August 1986, p.17, 126-127
10. Như trên, trang 130-131
11. Xem thêm: *Thái Lan-Truyền thống và hiện đại* (Quế Lai c.b.). Hà Nội, Nhà Xb.Thanh niên, 1999; Hoàng Khắc Nam. *Quan hệ Việt Nam - Thái Lan 1976-2000*. Hà Nội: Nxb. Đại học QGHN, 2007.
12. Phan Thanh Long. *Quan niệm về an ninh toàn diện của ASEAN dưới tác động của toàn cầu hoá kinh tế*//Tạp chí Khoa học của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh. Số Chuyên đề kỷ niệm 15 năm thành lập Khoa Đông Nam Á học (1991-2006), tr. 88